TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HC-ST
Ngày: 14-8-2023

V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhường.

Bà Lê Phan Ngọc Rỹ.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Chính Hào – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An*: Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 77/2023/TLST-HC ngày 05/4/2023 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HC ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1939; Địa chỉ: ấp PhT, xã ThP, huyện BL, tỉnh LA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn H, sinh năm 1966; Địa chỉ: 98 Nguyễn Văn Tiếp, KP 3, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh LA.

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Nh, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện BL, tỉnh LA.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn Ho, chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BL, tỉnh LA.

2/ Ủy ban nhân dân xã ThP, huyện BL, tỉnh LA.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Th, chức vụ: Chủ tịch UBND xã ThP, huyện BL, tỉnh LA.

(Ông H, ông Ho có mặt; Ông Nh, ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2022 và lời trình bày của người đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Vào khoảng năm 1988 gia đình bà Nguyễn Thị D thuộc diện chính sách không có đất sản xuất nên được UBND xã ThP cấp 2.223,8 m^2 thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại ấp PhT, xã ThP, huyện BL, tỉnh LA. Ngày 02/7/2004 ông Nguyễn Văn B là chồng bà D chết. Năm 2005 bà D làm hồ sơ đề nghị cấp đất, UBND huyện BL đã xét cấp cho bà D diện tích 1.251 m^2. Diện tích còn lại 972,8 m^2 chưa được cấp. Bà D là người trực tiếp canh tác ổn định thửa đất trên cho đến nay không có ai tranh chấp. Căn cứ theo qui định của Luật đất đai và các văn bản dưới luật thi hành luật đất đai thì đối với bà D đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi bà D làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã ThP không giải quyết với lý do đất UBND xã ThP cho mượn để sản xuất.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 137/CV-UBND ngày 24/02/2023 của UBND xã ThP, huyện BL, tỉnh LA và buộc Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D tại phần đất có số thửa 314, tờ bản đồ số 15, có diện tích 972,8 m^2 tọa lạc tại ấp PhT, xã ThP, huyện BL, tỉnh LA.

UBND huyện BL, tỉnh LA không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Văn bản số 392/CV-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã ThP, huyện BL, tỉnh LA có nội dung như sau:

Ủy ban nhân dân xã ThP xin vắng mặt tại các buổi đối thoại và tại các phiên Tòa của Tòa án. Trong vụ án này Ủy ban nhân dân xã ThP không có ý kiến hay yêu cầu gì đề nghị Tòa án nhân dân các cấp xét xử theo qui định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện BL, tỉnh LA trình bày ý kiến:

Thống nhất với lời trình bày của đại diện người khởi kiện về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 314, tờ bản đồ số 15 của gia đình bà D. Tuy nhiên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện BL cho rằng thửa đất 314 hiện nay UBND xã ThP là người đứng tên trên sổ địa chính và đề nghị hoãn phiên Tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi bà D khởi kiện là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về các yêu cầu:

Hủy văn bản số 137/CV-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã ThP, huyện BL, tỉnh LA.

Buộc Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại ấp PhT, xã ThP, huyện BL, tỉnh LA theo quy định Luật đất đai.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Yêu cầu hủy Văn bản số 137/CV-UBND ngày 24/02/2023 của UBND xã ThP và yêu cầu xem xét hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân huyện BL để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 314 nhưng Ủy ban nhân dân huyện BL không giải quyết. Trước đó bà D cũng nộp đơn đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân xã ThP. Ngày 24/02/2023, Ủy ban nhân dân xã ThP ban hành văn bản số 137/CV-UBND có nội dung xác định bà D không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 314. Đến ngày 03/3/2023 bà D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, đại diện người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA và Ủy ban nhân dân xã ThP, huyện BL, tỉnh LA có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại nhưng đại diện người khởi kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tố tụng hành chính Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền: Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA là cơ quan quản lý đất đai địa phương có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai. Ủy ban nhân dân xã ThP là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thủ tục xác nhận tình trạng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai. Do đó, hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D gởi đến Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA là đúng cơ quan có thẩm quyền.

[2.2] Về hành vi hành chính bị kiện, xét thấy:

Việc Ủy ban nhân dân xã ThP xác định phần đất thuộc thửa số 314 mà bà Nguyễn Thị D xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện được cấp giấy là không chính xác. Bởi lẽ, nguồn gốc thửa đất số 314 gia đình bà D được Hợp tác xã Phước Tú giao cho để sản xuất. Năm 1988, khi Hợp tác xã Phước Tú giải thể thì gia đình bà D tiếp tục canh tác ổn định thửa đất số 314 đến nay, không có phát sinh tranh chấp và kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thực hiện quyền của người sử dụng đất được quy định tại Điều 166 Luật đất đai. Do đó, bà D đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 và Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Nhưng Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D là trái quy định pháp luật và ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bà D.

Nhận định trên phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 19/5/2023 xác định thửa đất 314, tờ bản đồ số 15 dùng để trồng lúa, hiện nay lúa đã thu hoạch xong. Xung quanh thửa đất có bờ ranh để phân định ranh giới với các thửa đất khác. Hiện nay thửa đất này do bà D đang quản lý, sử dụng.

[2.2.1] Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã đề nghị.

[2.2.2] Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA về việc không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D là chưa đúng qui định pháp luật.

[2.2.3] Đối với yêu cầu hủy văn bản số 137/CV-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã ThP, huyện BL, tỉnh LA có nội dung xác định trường hợp bà D không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy rằng: Như đã phân tích ở trên đối với thửa đất 314, tờ bản đồ số 15 đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D nên văn bản trên cần phải hủy như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã đề nghị.

[2.2.4] Buộc Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc ấp PhT, xã ThP, huyện BL, tỉnh LA theo quy định Luật đất đai.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.400.000 (hai triệu bốn trăm ngàn) đồng; bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này là phù hợp theo khoản 1 Điều 357; Điều 358 Luật Tố tụng hành chính nên ghi nhận.

[3.2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA mỗi đương sự phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 166, Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA.

Hành vi của Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA về việc không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D là hành vi không đúng qui định pháp luật.

Hủy văn bản số 137/CV-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã ThP, huyện BL, tỉnh LA.

Buộc Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc ấp PhT, xã ThP, huyện BL, tỉnh LA theo quy định Luật đất đai.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D chịu 2.400.000 (hai triệu bốn trăm ngàn) đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà D đã nộp xong.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị D không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. Do bà D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà D.

Ủy ban nhân dân xã ThP và Ủy ban nhân dân huyện BL, tỉnh LA mỗi đương sự phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Phước Thanh